TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tấn Nghị, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/9/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà N – sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;

- *Bị đơn:* Ông L – sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, Phú Yên;

(Cùng có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. H – sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;
2. T – sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, Phú Yên;
3. C – sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, Phú Yên;
4. A – sinh năm 1950 *(Đã chết 5/2022);*

Người thừa kế quyền tố tụng của bà Thu: E, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Khu phố C, Phường Z, thành phố I, tỉnh Phú Yên; O, sinh năm 1948; U, sinh năm 1954; Y, sinh năm 1963; P, sinh năm 1965; Cùng nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; B, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Khu K, Phường Z, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; N; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;

5. Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông X – Giám đốc Chi nhánh huyện T;

6. Ngân hàng S – Phòng Giao dịch huyện T; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông G – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch huyện T.

(Cùng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn N, bị đơn L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 1992. Quá trình chung sống, vợ chồng bà N, ông L xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã tự xa nhau từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Bà N nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không chấp nhận chung sống trở lại.

- Về con chung: Có 03 con chung là H – sinh năm 1993, D – sinh năm 1996 và M – sinh năm 2000. Ông L, bà N thống nhất các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Trước đây, các bên yêu cầu chia tài sản gồm đất ở, đất vườn, vật kiến trúc xây dựng trên đất, đất ruộng, đất rừng sản suất, keo trồng trên đất. Tuy nhiên, hiện nay các bên đã tự thỏa thuận phân chia nên ông L, bà N thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết đối với tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông L, bà N thống nhất có vay Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T số tiền gốc là 30.000.000 đồng, đã trả nợ xong; vay của Ngân hàng S – Phòng Giao dịch huyện T số tiền gốc là 20.000.000 đồng, đã trả nợ xong nên thống nhất không yêu cầu gì.

Đối với số nợ của bà A: Ông L, bà N và những người thừa kế quyền lợi nghĩa vụ của bà A thống nhất tự giải quyết số nợ này, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tiền thẩm định, định giá tài sản: Bà N yêu cầu mỗi người chịu ½ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ tài sản; ông L cho rằng bà N đưa ra yêu cầu tranh chấp tài sản thì tự chịu toàn bộ chi phí định giá, thẩm định, ông không chấp nhận cùng trả. Tại phiên tòa, bà N thống nhất tự chịu toàn bộ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T trình bày:** Vợ chồng bà N, ông L vay tiền của Ngân hàng, hiện đã trả xong nợ nên xin được rút toàn bộ đơn kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

*** Người có QLNVLQ Ngân hàng S – Phòng Giao dịch huyện T trình bày*:*** Vợ chồng bà N, ông L vay tiền của Ngân hàng, hiện đã trả xong nợ nên xin được rút toàn bộ đơn kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

*** Người có QLNVLQ E, O, U, Y, P, B trình bày*:*** Thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết đối với việc ông L, bà N nợ tiền của bà A nữa mà để tự giải quyết. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H trình bày:** Anh H là con của bà N, ông L, được cấp ruộng theo Nghị định 64/CP trong hộ của ông L, bà N. Nay, Bà N, ông L thống nhất tự phân chia ruộng, không yêu cầu Tòa giải quyết. Anh H cũng thống nhất không yêu cầu gì mà để các bên tự giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C trình bày:** Ông C có thuê ruộng của ông L. Nay, ông L, bà N thống nhất tự giải quyết đối với ruộng, không yêu cầu tòa giải quyết; ông C cũng thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết mà để các bên tự giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T trình bày:** Ông T có thuê ruộng của bà N. Nay, ông L, bà N thống nhất tự giải quyết đối với ruộng, không yêu cầu tòa giải quyết; ông T cũng thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết mà để các bên tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

- Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn ông L. Đình chỉ việc giải quyết đối với tài sản và nợ của các đương sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H, C, T không yêu cầu gì nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toàn bộ những người có QLNVLQ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có QLNVLQ.

[2] Xác định người thừa kế quyền tố tụng khi có người chết: Bà A có đơn yêu cầu ông L, bà N trả nợ. Vào tháng 5/2022, bà A chết. Các anh chị em của bà A đều khai bà A không có chồng con, cha mẹ bà A cũng đã chết và bà A có 06 anh chị em là E, O, U, Y, P, B, N. Ngoài ra, không còn người nào khác.

Như vậy, đủ cơ sở khẳng định các anh chị em của bà A nói trên là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 1992 *(Đăng ký kết hôn số 43, quyển số 03 năm 1992)* nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà N, ông L có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã tự xa nhau từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Bà N xin ly hôn, ông L không thống nhất ly hôn nhưng cũng không thống nhất chung sống với nhau.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Có 03 con chung là H – sinh năm 1993, D – sinh năm 1996 và M – sinh năm 2000. Các con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết thống nhất rút toàn bộ yêu cầu, không yêu cầu Tòa giải quyết. Xét việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết tài sản của các đương sự.

[6] Về nợ: Các bên thống nhất đã trả xong nợ cho Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T, Ngân hàng S – Phòng Giao dịch huyện T; thống nhất tự giải quyết đối với khoản nợ của bà A. Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T, Ngân hàng S – Phòng Giao dịch huyện T có đơn xin rút đơn khởi kiện, những người thừa kế quyền tố tụng của bà A thống nhất rút yêu cầu không yêu cầu giải quyết đối phần nợ của bà A. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ nói trên.

[7] Người có QLNVLQ H, C, T thống nhất không yêu cầu gì nên không xét.

[8] Về án phí: Bà N phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn 300.000đ.

[9] Đối với chi phí định giá, thẩm định tại chỗ: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí: 10.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông L.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông L, bà N.

3. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu giải quyết nợ của Ngân hàng S – Phòng Giao dịch huyện T.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu giải quyết nợ của Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T.

5. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu giải quyết nợ của những người thừa kế quyền lợi nghĩa vụ của bà A là ông E, bà O, bà U, bà Y, bà P, ông B, bà N.

6. Về án phí: Bà N phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010890 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn lại cho những người thừa kế quyền lợi nghĩa vụ của bà A số tiền tạm ứng án phí: 1.125.000đ *(Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã thu tại phiếu thu số 0014401 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Hoàn lại cho Ngân hàng V – Chi nhánh huyện T số tiền tạm ứng án phí: 515.000đ *(Năm trăm mười lăm nghìn đồng)* đã thu tại phiếu thu số 0001798 ngày 03/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

7. Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà N tự nguyện chịu: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Bà N đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã H
(GĐKKH số 43, quyển số 03);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ